

BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN THIÊNG TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC BA-NA THEO CÔNG GIÁO Ở XÃ ĐẮK HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI¹

Nguyễn Thị Tâm*

Tóm tắt: Trên cơ sở tiếp cận cấu trúc không gian, bài viết phân tích biến đổi không gian thiêng trong đời sống của người Ba-na theo Công giáo ở xã Đắc Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Dựa trên tư liệu điền dã dân tộc học kết hợp khảo sát định lượng tại ba thôn của người Ba-na theo Công giáo, nghiên cứu làm rõ sự điều chỉnh về chức năng, ý nghĩa của các không gian thiêng truyền thống như nhà rông, giọt nước và rừng ma, đồng thời, xem xét vai trò của các cơ sở thờ tự Công giáo trong cấu trúc không gian làng đương đại. Kết quả cho thấy, sự hiện diện của Công giáo không dẫn đến sự đứt gãy hệ thống không gian thiêng truyền thống, mà diễn ra như một quá trình hội nhập và điều chỉnh văn hóa, trong đó các yếu tố tôn giáo mới được tích hợp vào cấu trúc không gian thiêng của làng. Trong quá trình này, cộng đồng Ba-na giữ vai trò chủ động trong việc phân định chức năng các không gian, duy trì các ranh giới biểu tượng và dung hòa giữa truyền thống với thực hành tôn giáo mới, qua đó hình thành một cấu trúc không gian thiêng đa tầng trong đời sống đương đại.

Từ khóa: Công giáo, không gian thiêng, dân tộc Ba-na, tỉnh Quảng Ngãi.

Abstract: Based on a spatial-structural approach, this article analyzes the transformation of sacred space in the lives of the Catholic Bahnar community in Dak Ha Commune, Quang Ngai Province. Drawing on ethnographic fieldwork combined with quantitative surveys conducted in three Catholic Ba-na villages, the study clarifies the adjustment in the functions and meaning of traditional sacred spaces such as the village communal house (nha rong), water sources, and funerary forests, while also examining the role of Catholic worship facilities within the contemporary spatial structure of the village. The findings indicate that the presence of Catholicism does not result in a rupture of the traditional sacred spatial system; rather, it unfolds as a process of cultural integration and adaptation, in which new religious elements are incorporated into the existing village spatial framework. In this process, the Bahnar community plays an active role in delineating the function of different spaces, maintaining symbolic boundaries, and mediating between tradition and new religious practices. As a result, a multi-layered structure of sacred space has emerged in contemporary community life.

Keywords: Catholicism, sacred space, Bahnar ethnic group, Quang Ngai province.

Ngày nhận bài: 2/3/2026; ngày phản biện: 9/3/2026; ngày duyệt đăng: 17/3/2026.

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: hongtam.ls89@gmail.com.

¹ Bài viết là kết quả của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ (2025 - 2026): “Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân tộc Ba-na theo Công giáo ở tỉnh Kon Tum từ 1986 đến nay”, do TS. Trần Thị Mai Lan làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học chủ trì.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ sau công cuộc Đổi mới năm 1986, khu vực Tây Nguyên nói chung và tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi) nói riêng đã trải qua những biến đổi sâu sắc về kinh tế, xã hội và văn hóa. Những chuyển biến này không chỉ diễn ra ở cấp độ vĩ mô, mà còn tác động đến đời sống cụ thể của các cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ, làm thay đổi cách thức tổ chức xã hội, sinh kế và thực hành văn hóa. Trong bối cảnh đó, đời sống tôn giáo như một lĩnh vực phản ánh rõ nét các quá trình biến đổi này. Trường hợp các làng người Ba-na theo Công giáo cho thấy rõ tính chất lịch sử và tính quá trình của sự biến đổi đó. Sự phát triển này không chỉ tác động đến đời sống tôn giáo của cư dân, mà còn góp phần tái cấu trúc không gian làng, đặc biệt là cách tổ chức và ý nghĩa của các không gian thiêng trong cộng đồng.

Đối với người Ba-na, không gian làng truyền thống không chỉ là nơi cư trú, mà còn là một cấu trúc xã hội - văn hóa gắn với các không gian thiêng như nhà rông, bến nước, rừng thiêng và các địa điểm nghi lễ cộng đồng. Tuy nhiên, cùng với sự hiện diện và phát triển của Công giáo, cấu trúc và ý nghĩa của các không gian này đang có những biến đổi đáng chú ý. Bên cạnh các không gian thiêng truyền thống, những thiết chế tôn giáo mới như nhà thờ, nhà nguyện dần trở thành trung tâm quan trọng trong đời sống tinh thần, tạo nên sự tương tác và tái cấu trúc không gian làng với nhiều đặc điểm mới. Việc xem xét sự biến đổi này không chỉ góp phần làm rõ tác động của tôn giáo đối với đời sống văn hóa, mà còn cho thấy cách cộng đồng chủ động điều chỉnh và tái cấu trúc các thiết chế truyền thống của mình.

Các nghiên cứu về người Ba-na đã cung cấp nền tảng tư liệu quan trọng về đời sống kinh tế, xã hội, tín ngưỡng và tổ chức làng truyền thống. Liên quan đến người Ba-na theo Công giáo, các công trình của Đặng Luận (2004, 2014), Nguyễn Hồng Dương (2004, 2006) và Lê Đức Hạnh (2014) chủ yếu tập trung vào quá trình truyền bá, sự hình thành cộng đồng Công giáo và hiện tượng giao thoa văn hóa ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, các nghiên cứu này phần lớn tiếp cận ở bình diện tổng thể, trong khi những phân tích về sự biến đổi của không gian thiêng trong cấu trúc làng Ba-na, đặc biệt ở cấp độ cộng đồng, vẫn còn hạn chế. Bài viết này tập trung làm rõ khoảng trống đó thông qua việc phân tích sự chuyển đổi của hệ thống không gian thiêng trong mối tương tác với các thiết chế Công giáo.

Sự hiện diện của Công giáo trong cộng đồng người Ba-na không chỉ như sự thay đổi niềm tin tôn giáo của cá nhân, mà như một quá trình vận động và biến đổi về cấu trúc xã hội - văn hóa diễn ra trong không gian làng cụ thể. Theo đó, không gian thiêng không chỉ là bối cảnh vật chất của các hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng mà còn là một cấu trúc xã hội - văn hóa được kiến tạo và tái tạo thông qua các thực hành nghi lễ, sinh hoạt cộng đồng và các quan hệ biểu tượng. Cách tiếp cận này tương đồng với quan niệm về không gian như một sản phẩm xã hội của Henri Lefebvre (1991), trong đó không gian luôn gắn với các quan hệ xã hội và các hình thức thực hành cụ thể trong đời sống hằng ngày. Bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu chính: i) Không gian thiêng trong làng người Ba-na được tổ chức và thực hành như thế nào trong bối cảnh truyền thống? ii) Sự hiện diện của Công giáo đã tác động ra sao

đến cách thức tổ chức và sử dụng các không gian thiêng trong cộng đồng? iii) Những biến đổi đó diễn ra theo hướng xung đột hay đồng tồn tại giữa các không gian thiêng khác nhau, và vai trò của cộng đồng Ba-na trong quá trình đó được thể hiện như thế nào?

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học làm chủ đạo, kết hợp các kỹ thuật như quan sát tham dự trong sinh hoạt tôn giáo và đời sống cộng đồng; thực hiện 16 phỏng vấn sâu với các chủ thể như già làng, trưởng thôn, giáo phu và giáo dân; cùng 2 cuộc thảo luận nhóm với người có uy tín nhằm làm rõ cách cộng đồng diễn giải và điều chỉnh các không gian thiêng trong bối cảnh tiếp nhận và thực hành Công giáo. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng dữ liệu định lượng từ 120 phiếu hỏi người Ba-na theo Công giáo trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ “*Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân tộc Ba Na theo Công giáo ở tỉnh Kon Tum từ 1986 đến nay*” (2025) (từ đây gọi là nhiệm vụ). Sự kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng cho phép tiếp cận biến đổi không gian thiêng không chỉ ở phương diện thiết chế và nghi lễ, mà còn như một quá trình xã hội - văn hóa gắn với trải nghiệm và sự tham gia của cộng đồng. Nghiên cứu được tiến hành tại ba thôn: thôn 8 (Kon Trang Mơ Nây), thôn 9 (Đắk Tiêng Klah) và Kon Trang Long Loi, xã Đắk Hà, Quảng Ngãi ngày nay.

Xã Đắk Hà được thành lập theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Đắk La, xã Hà Mòn và thị trấn Đắk Hà. Xã có diện tích tự nhiên 104,08km², gồm 29 thôn, tổ dân phố với tổng số 8.024 hộ và 34.681 nhân khẩu; trong đó có 1.415 hộ với 8.290 người là đồng bào DTTS. Người dân chủ yếu sống bằng nghề trồng cây công nghiệp, nhiều nhất là cà phê và cao su. Người Ba-na chiếm 85,7% tổng số DTTS trên địa bàn (Ủy ban nhân dân xã Đắk Hà, 2025, tr. 1). Tính đến ngày 01/7/2025, trên địa bàn xã có bốn tôn giáo đang hoạt động gồm Công giáo, Phật giáo, Tin Lành và Cao Đài, với tổng số 10.072 tín đồ, 7 chức sắc và 9 cơ sở tôn giáo hợp pháp. Trong đó, Công giáo chiếm số lượng lớn với 9.025 tín đồ, riêng người Ba-na theo Công giáo là 7.110 người, tương đương 78,7% tổng số tín đồ Công giáo toàn xã (Ủy ban nhân dân xã Đắk Hà, 2025, tr. 2). Tại các thôn Kon Trang Mơ Nây, Đắk Tiêng Klah và Kon Trang Long Loi, phần lớn cư dân Ba-na theo Công giáo, hình thành các “làng đạo” với mức độ lan tỏa mạnh mẽ của Công giáo. Trong xã có 03 giáo xứ: Kon Trang Mơ Nây, Kon Trang Long Loi và Đắk Tiêng Kơ Tu đều thuộc Giáo phận Kon Tum. Công giáo tại Đắk Hà có lịch sử hình thành khá sớm gắn với hoạt động truyền giáo tại vùng Ba-na ở Kon Tum từ giữa thế kỷ XIX. Theo các tư liệu truyền giáo, năm 1852 các thừa sai thuộc Hội Thừa sai Paris bắt đầu tiếp cận khu vực Kon Trang và đến năm 1853 đã ghi nhận những trường hợp người Ba-na đầu tiên theo Công giáo. Dần dần, mạng lưới các làng Công giáo được hình thành trong khu vực, trong đó có làng Kon Trang Mơ Nây. Đến năm 1923, Kon Trang Mơ Nây trở thành trung tâm sinh hoạt tôn giáo của các cộng đoàn giáo dân Ba-na trong vùng. Sau năm 1975, do điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng giáo dân tại địa bàn bị gián đoạn và gặp nhiều hạn chế. Từ sau năm 1986, cùng với những chuyển biến chung của bối cảnh đất nước, các cơ sở thờ tự dần được phục hồi, sinh hoạt tôn

giáo từng bước được khôi phục và đi vào ổn định. Năm 2005, nhà thờ Kon Trang Mơ Nây được xây dựng, đánh dấu sự ổn định của cộng đoàn giáo dân tại đây. Trước sự gia tăng số lượng tín đồ và nhu cầu mục vụ ngày càng lớn, địa bàn giáo xứ sau đó được điều chỉnh và tách thành các đơn vị mục vụ mới, trong đó có giáo xứ Kon Trang Long Loi³.

Trong bối cảnh đó, nhà thờ không chỉ là nơi diễn ra các nghi lễ tôn giáo, mà còn trở thành một trung tâm sinh hoạt cộng đồng quan trọng, góp phần tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể và định hình nhịp thời gian lễ nghi của làng. Tuy nhiên, cùng với sự hiện diện của các không gian Công giáo, nhiều không gian thiêng truyền thống của người Ba-na vẫn tiếp tục tồn tại và được duy trì trong đời sống văn hóa cộng đồng. Trong đó, các làng Ba-na theo Công giáo ở xã Đăk Hà trở thành một trường hợp điển hình để phân tích quá trình biến đổi không gian thiêng trong đời sống cộng đồng đương đại.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Không gian thiêng trong truyền thống của cộng đồng làng người Ba-na

1.1. Các không gian thiêng truyền thống

Theo Mircea Eliade, không gian thiêng hình thành khi sự linh hiển của cái thiêng làm cho một địa điểm trở nên khác biệt với không gian đời thường (Mircea Eliade, Willard R. Trask dịch, 1959). Trong tổ chức xã hội - văn hóa truyền thống của người Ba-na, không gian thiêng không tồn tại rời rạc mà cấu thành một hệ thống gắn với đời sống sinh kế, tổ chức xã hội và thế giới quan của cộng đồng, bao gồm nhà rông, giọt nước và rừng ma (nghĩa địa). Trong đó, nhà rông giữ vị trí trung tâm, nơi hội tụ và lan tỏa quyền lực thiêng bảo hộ cho toàn bộ làng.

Theo quan niệm truyền thống, *nhà rông* không chỉ là nơi sinh hoạt chung mà còn là không gian cư trú của Giàng - lực lượng siêu nhiên che chở và duy trì trật tự cộng đồng. Việc dựng nhà rông vì thế mang ý nghĩa thiêng, đòi hỏi sự tham gia của toàn thể cộng đồng dưới sự điều phối của già làng. Trong ý thức cư dân, nhà rông là “ngôi nhà chung” của cả con người và các lực lượng siêu nhiên gắn với vận mệnh làng. Nhà rông là nơi diễn ra các cuộc họp làng, nghi lễ và lễ hội quan trọng, đồng thời, tập trung các biểu tượng gắn với thế giới quan truyền thống như dấu ấn của hoạt động săn bắt và mối quan hệ với rừng. Thông qua các thực hành nghi lễ và sinh hoạt cộng đồng, nhà rông liên tục được thiêng hóa và tái khẳng định như trung tâm tinh thần của làng. Về tổ chức không gian, nhà rông thường đặt ở vị trí trung tâm, gắn với quyền lực của già làng và cơ chế điều phối đời sống cộng đồng. Già làng ở thôn Đăk Tiêng Klah đã chia sẻ: “*Trước khi có sự hiện diện rõ nét của Công giáo, hầu hết các sự kiện quan trọng của làng, từ nghi lễ lớn đến giải quyết mâu thuẫn, đều được bàn bạc và quyết định tại nhà rông*” (PVS, nam, 1957, dân tộc Ba-na, tháng 8/2025). Theo đó, nhà rông không chỉ là trung tâm sinh hoạt, mà còn là không gian thiêng gắn với cả quyền lực xã hội và quyền lực thiêng, giữ vai trò nền tảng trong việc duy trì trật tự và đức tin của cộng đồng Ba-na truyền

³ Theo tài liệu lưu hành nội bộ của Giáo phận Kon Tum, 2022.

thông. Những biến đổi liên quan đến nhà rông vì vậy luôn kéo theo những thay đổi sâu sắc trong cấu trúc và đời sống tinh thần của làng.

Bên cạnh nhà rông, *giọt nước* là một không gian thiêng giữ vị trí đặc biệt trong đời sống người Ba-na, gắn với sinh hoạt thường ngày và niềm tin về sự bảo hộ của các lực lượng siêu nhiên. Trong quan niệm truyền thống, giọt nước không chỉ là nguồn nước sinh hoạt mà còn là nơi thần nước (*Giàng đăk*) ngự trị, ban phát và duy trì sự sống cho cộng đồng. Vì vậy, nước từ giọt nước được xem là “nước làng”, mang ý nghĩa thiêng và gắn với sự hài hòa giữa con người với tự nhiên và thế giới siêu nhiên. Việc lựa chọn và sử dụng giọt nước luôn đi kèm các nghi thức và quy tắc nghiêm ngặt. Trước khi khai thác, cộng đồng thực hiện nghi lễ xin phép *Giàng đăk*; trong quá trình sử dụng, người dân phải giữ gìn sự sạch sẽ, trật tự và tránh các hành vi bị coi là xúc phạm đến thần linh. Một người dân ở thôn 8 chia sẻ: “*Giọt nước là nơi có Giàng ở, mình lấy nước phải giữ sạch, giữ yên...*” (PVS, nam, 1965, dân tộc Ba-na, tháng 8/2025). Thông qua các thực hành này, giọt nước được liên tục thiêng hóa, vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vừa giữ vai trò bảo hộ tinh thần cho cộng đồng. Đồng thời, giọt nước còn là nơi lưu giữ ký ức tập thể, khi các biến cố như hạn hán, dịch bệnh hay kết quả mùa màng thường được lý giải qua sự hài lòng của Giàng. Do đó, việc bảo vệ giọt nước trở thành trách nhiệm chung, góp phần duy trì trật tự xã hội và củng cố sự gắn kết cộng đồng.

Nếu giọt nước gắn với việc duy trì sự sống, thì *rừng ma* là không gian thiêng liên quan đến thế giới tổ tiên và ký ức cộng đồng. Trong truyền thống, người Ba-na chôn cất người chết tại rừng thiêng (rừng ma) - không gian nằm ngoài khu cư trú, nhưng thuộc trật tự tinh thần của làng, được quan niệm là nơi cư ngụ của linh hồn và trung gian giữa thế giới người sống và người chết. Việc hạn chế tiếp cận và các kiêng kỵ phản ánh nỗ lực duy trì ranh giới thiêng giữa các thế giới. Các nghi lễ tang ma, đặc biệt là lễ bỏ mả, giữ vai trò xác lập và kết thúc quan hệ giữa người sống và người chết, qua đó tái lập trật tự thiêng: linh hồn người chết trở về với tổ tiên, còn người sống chấm dứt nghĩa vụ liên đới. Vì vậy, rừng ma không chỉ là nơi chôn cất, mà còn là không gian thiêng của ký ức và sự phân định ranh giới xã hội - vũ trụ.

1.2. Thực hành xã hội và ý nghĩa của các không gian thiêng

Trong đời sống truyền thống của người Ba-na, tính thiêng của nhà rông, giọt nước và rừng ma không chỉ nằm ở ý nghĩa biểu tượng mà được duy trì thông qua các thực hành xã hội gắn với chu kỳ thời gian, vòng đời và các biến cố của cộng đồng.

Nhà rông là không gian thiêng mang tính cộng đồng cao, nơi diễn ra các thực hành liên quan đến tổ chức đời sống như họp dân, nghi lễ nông nghiệp, phân xử tranh chấp và ra quyết định chung. Thông qua đó, nhà rông đồng thời củng cố quyền lực xã hội và quyền lực thiêng. *Giọt nước* gắn với các thực hành lặp lại trong đời sống hàng ngày của từng hộ gia đình, chủ yếu do phụ nữ và trẻ em đảm nhiệm. Bên cạnh chức năng sinh hoạt, đây còn là nơi thực hành các nghi lễ cầu sức khỏe, mùa màng và sự bình an, đặc biệt trong những thời điểm quan trọng của cộng đồng. Sự đan xen giữa sinh hoạt và nghi lễ khiến giọt nước trở thành không gian

thiêng gắn với sự duy trì đời sống và bảo hộ tinh thần. *Rừng ma* là không gian thiêng mang tính nghi lễ chuyên biệt, gắn với chu kỳ vòng đời, đặc biệt là tang ma và lễ bỏ mả. Việc tiếp cận không gian này bị giới hạn nghiêm ngặt, phản ánh quan niệm về ranh giới giữa thế giới người sống và người chết. Sau nghi lễ, rừng ma trở lại trạng thái tách biệt nhằm bảo đảm sự yên ổn cho cả hai thế giới. Nhìn chung, các thực hành tại ba không gian này tạo thành một hệ thống bổ trợ: nhà rông gắn với trật tự cộng đồng, giọt nước duy trì đời sống thường nhật, còn rừng ma bảo đảm ranh giới thiêng và ký ức tập thể. Qua đó, không gian thiêng được duy trì như một cấu phần nền tảng của đời sống xã hội Ba-na trong truyền thống.

2. Những biến đổi trong tổ chức và sử dụng không gian thiêng qua tác động của Công giáo

2.1. Vị trí của cơ sở thờ tự Công giáo trong không gian làng Ba-na

Vị trí của các cơ sở thờ tự Công giáo trong không gian làng Ba-na tại ba thôn Kon Trang Mơ Nây (thôn 8), Đăk Tiêng Klah (thôn 9) và Kon Trang Long Loi đánh dấu một bước chuyển đáng chú ý trong tổ chức không gian thiêng của cộng đồng. Tuy nhiên, quá trình này không diễn ra như một sự thay thế giữa không gian thiêng truyền thống và không gian tôn giáo mới, mà thể hiện qua những điều chỉnh dần cách bố trí không gian, phân bổ thực hành xã hội và diễn giải ý nghĩa thiêng của làng. Việc phân tích sự hiện diện của các cơ sở thờ tự Công giáo vì vậy cần được đặt trong mối quan hệ với cấu trúc không gian làng truyền thống, cũng như trong cách cộng đồng Ba-na tiếp nhận và tích hợp thiết chế tôn giáo này vào đời sống.

Tại các thôn thuộc địa bàn khảo sát, các cơ sở thờ tự Công giáo (bao gồm nhà thờ và nhà nguyện) đều được xây dựng như những công trình độc lập, có hình thức kiến trúc dễ nhận diện trong không gian làng. Tuy nhiên, vị trí xây dựng các công trình này không trùng với vị trí trung tâm truyền thống của nhà rông. Ở thôn 8 (Kon Trang Mơ Nây), nhà thờ giáo xứ được đặt gần trục đường liên thôn - liên xã, thuận lợi cho việc tập trung giáo dân và kết nối với các hoạt động tôn giáo ở cấp giáo xứ. Vị trí này vừa tạo điều kiện cho sinh hoạt đạo, vừa giữ một khoảng cách nhất định với không gian trung tâm của làng, nơi nhà rông và các thiết chế cộng đồng truyền thống tọa lạc.

Tại thôn 9 (Đăk Tiêng Klah), cơ sở thờ tự của cộng đoàn là một nhà nguyện, cũng không nằm ở trung tâm làng mà được bố trí ở khu vực thấp hơn, gần đường giao thông chính. Trong khi đó, nhà rông lại nằm xa khu dân cư, gần khu ruộng nước, khiến hai không gian này gần như không chòong lấn về chức năng. Sự phân tách này góp phần làm nổi bật vai trò của nhà nguyện như một điểm tụ họp ổn định trong đời sống tôn giáo của cộng đồng, trong khi nhà rông giảm dần tần suất sử dụng giờ sinh hoạt.

Riêng tại thôn Kon Trang Long Loi, nơi được định hướng phát triển du lịch cộng đồng, nhà thờ của giáo xứ được xây dựng tương đối gần khu dân cư nhưng vẫn giữ khoảng cách nhất định với nhà rông. Cách bố trí này tạo nên một cấu trúc không gian song hành: nhà rông tiếp tục hiện diện như biểu tượng văn hóa - cộng đồng, còn nhà thờ đảm nhiệm vai trò tổ chức

sinh hoạt tôn giáo định kỳ. Việc sắp xếp cơ sở thờ tự Công giáo cho thấy quá trình người Ba-na tiếp nhận tôn giáo mới không đi kèm với sự phủ định không gian thiêng truyền thống, mà diễn ra thông qua việc thiết lập thêm một điểm quy chiếu mới trong cấu trúc làng.

2.2. Những biến đổi trong cách sử dụng và diễn giải các không gian thiêng truyền thống

Dưới tác động của Công giáo, các không gian thiêng truyền thống của người Ba-na không mất đi mà chuyển đổi về cách sử dụng và ý nghĩa. Khảo sát tại ba thôn cho thấy xu hướng chung: từ các không gian gắn với nghi lễ thường xuyên chuyển dần sang mang tính biểu tượng, ký ức và bảo hộ.

Nhà rông - từ trung tâm quyền lực thiêng dần trở thành không gian quyền lực xã hội: trong bối cảnh truyền thống, nhà rông là nơi hội tụ đồng thời của quyền lực thiêng và quyền lực xã hội, được cộng đồng tin là nơi Giàng hiện diện và che chở cho cả làng thông qua các nghi lễ, luật tục và vai trò trung gian của già làng. Tuy nhiên, khi Công giáo dần trở thành hệ quy chiếu tôn giáo chủ đạo của nhiều hộ gia đình, chức năng nghi lễ của nhà rông có xu hướng thu hẹp. Tại cả ba thôn được khảo sát, các nghi lễ cầu khẩn Giàng, hiến sinh hay lễ hội nông nghiệp truyền thống không còn được tổ chức thường xuyên tại nhà rông. Thay vào đó, không gian này chủ yếu được sử dụng cho các hoạt động mang tính hành chính - xã hội như họp dân, phổ biến chủ trương chính sách, sinh hoạt đoàn thể, hoặc phục vụ các hoạt động văn hóa - du lịch. Ở thôn 8, nhà rông còn được sử dụng làm lớp học mầm non tạm thời do điều kiện cơ sở vật chất trường học hạn chế.

Tuy nhiên, sự chuyển đổi trong công năng không đồng nghĩa với việc nhà rông bị giảm tính thiêng trong nhận thức cộng đồng. Già làng ở thôn Kon Trang Long Loi cho biết dù nhà rông ít gắn với nghi lễ như trước nhưng vẫn là nơi bảo đảm tính chính danh cho các quyết định tập thể và duy trì trật tự cộng đồng: *“Nhà rông bây giờ không cúng như xưa, nhưng chuyện lớn nhỏ của làng vẫn phải đưa lên đó, không đưa lên thì không đúng lệ làng”* (PVS, nam, 1956, dân tộc Ba-na, tháng 8/2025). Mặc dù vai trò nghi lễ đã suy giảm, nhà rông vẫn tiếp tục được nhìn nhận như một không gian mang tính thiêng xã hội, nơi tập trung các quyết định quan trọng của cộng đồng và duy trì những chuẩn mực ứng xử truyền thống, phản ánh quá trình điều chỉnh của cộng đồng Ba-na trước sự hiện diện ngày càng rõ nét của Công giáo trong đời sống tôn giáo của làng.

Tại thôn 8, bên cạnh ngôi nhà rông chung của làng do Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng năm 2022, còn có một nhà rông nằm trong khuôn viên giáo xứ Kon Trang Mơ Nây, do Giáo phận Kon Tum tài trợ. Công trình này được dựng theo kiểu dáng nhà rông truyền thống của người Ba-na; trên đỉnh mái gắn biểu tượng Thánh giá, phía trước đặt tượng Chúa Giê-su, dưới sàn treo bộ công chiêng của cộng đồng, qua đó tạo nên sự kết hợp giữa biểu tượng Công giáo và văn hóa địa phương trong cùng một không gian. Tuy nhiên, nhà rông này không đảm nhiệm chức năng sinh hoạt cộng đồng hay thực hành nghi lễ tôn giáo; sự hiện diện của nó

trong khuôn viên giáo xứ chủ yếu mang ý nghĩa như một hình thức hội nhập văn hóa, thể hiện bản sắc Ba-na trong môi trường Công giáo.

Tại thôn 9 (Đắk Tiêng Klah), nhà nguyện do Giáo phận Kon Tum xây dựng cũng được thiết kế với phần mặt trước gọi nhắc mái nhà rông truyền thống của người Ba-na. Quá trình xây dựng có sự bàn bạc giữa linh mục, giáo phụ và những người có uy tín trong cộng đồng, qua đó tiếp thu và lồng ghép một số yếu tố kiến trúc truyền thống vào công trình. Nhà nguyện đảm nhiệm chức năng là nơi cầu nguyện và thực hành nghi lễ Công giáo của giáo dân trong thôn.

Những hiện tượng này cho thấy yếu tố văn hóa địa phương không bị loại bỏ trong quá trình tiếp nhận Công giáo, mà được tái sáng tạo trong không gian tôn giáo mới. Khi lý giải ý nghĩa sâu xa, người Ba-na thường nhấn mạnh sự chuyển dịch chủ thể thiêng: nếu trước đây Giàng được tin là trú ngụ tại nhà rông để che chở cho buôn làng, thì nay vai trò đó được gán cho Chúa. Như một giáo phụ ở thôn 8 cho biết: *“Trong lễ mừng nhà rông mới ở khuôn viên giáo xứ năm 2024, người ta không kêu Giàng như trước kia mà kêu ơn Chúa”* (PVS, nam, 1961, dân tộc Ba-na, tháng 8/2025).

Việc nhà thờ mới của giáo xứ Kon Trang Mơ Nay đang được xây dựng theo kiểu mái nhà rông, dự kiến hoàn thành năm 2026, cùng với sự hiện diện của cây nêu Ba-na trong khuôn viên giáo xứ, phản ánh nỗ lực dung hợp văn hóa từ phía Giáo hội địa phương. Theo chia sẻ của một giáo phụ: *“Các Cha đến đây rất quan tâm đến văn hóa dân tộc, luôn cố gắng đưa vào không gian giáo xứ những nét đẹp văn hóa địa phương, chứ không khuyên bà con bỏ đi đâu”* (PVS, nam, 1961, dân tộc Ba-na, tháng 8/2025). Sự dung hợp này không chỉ góp phần tạo cảm giác được tôn trọng cho cộng đồng, mà còn cho thấy nhà rông tiếp tục tồn tại như một biểu tượng trung tâm, nơi các lớp ý nghĩa thiêng cũ và mới giao thoa trong đời sống đương đại của người Ba-na.

Giọt nước - từ không gian cư trú của Giàng Đắk dần trở thành không gian bảo hộ và ban ân huệ của Chúa: thực tế tại ba thôn cho thấy lễ cúng giọt nước vẫn được người Ba-na duy trì như một nghi lễ cộng đồng quan trọng hàng năm, dù cách thức và địa điểm tổ chức có những điều chỉnh nhất định. Ở thôn Kon Trang Long Loi, nghi lễ vẫn diễn ra tại vị trí giọt nước truyền thống; trong khi tại thôn 8 và thôn 9, do không còn vị trí giọt nước trong quy hoạch mới nên lễ cúng được tổ chức tại nhà rông. Cùng với sự thay đổi về không gian, các nghi thức hiến sinh, đặc biệt là đâm trâu, không còn được thực hành. Những biến đổi này cho thấy giọt nước vẫn giữ vai trò là một điểm tựa tinh thần của cộng đồng, song được thực hành theo những hình thức phù hợp hơn với bối cảnh sinh hoạt và đời sống tôn giáo hiện nay.

Tại Kon Trang Long Loi, sự xuất hiện của cây Thánh giá tại khu vực giọt nước được cộng đồng diễn giải theo hệ biểu tượng Công giáo. Người dân cho biết, nước từ giọt nước đã được linh mục làm phép, vì vậy, việc sử dụng nước ở đây được hiểu như sự đón nhận ân huệ và sự che chở của Chúa. Sự thay đổi này phản ánh quá trình chuyển dịch chủ thể thiêng, từ *Giàng Đắk* sang *Chúa*, nhưng không làm đứt gãy mối quan hệ bảo hộ giữa giọt nước và

cộng đồng. Thực hành hằng ngày tại không gian này cho thấy tính liên tục đáng kể của không gian giọt nước. Người dân vẫn duy trì thói quen lấy nước giọt về dùng, chăm sóc lối đi, giữ gìn vệ sinh và ứng xử đúng mực với khu vực này. Một phụ nữ trung niên ở Kon Trang Long Loi chia sẻ: “Ngày xưa nói Giàng giữ nước, bây giờ thì nói Chúa cho nước. Nhưng nước này là của làng từ xưa tới giờ” (PVS, nữ, 1966, dân tộc Ba-na, tháng 8/2025). Cách diễn đạt này cho thấy sự dung hợp trong diễn giải: quyền năng thiêng được gán cho chủ thể mới, song ký ức tập thể và mối quan hệ gắn bó lâu dài với giọt nước truyền thống vẫn được bảo lưu.

Ngay cả trong bối cảnh thôn Kon Trang Long Loi đã có giếng khoan hoặc nước máy, người Ba-na vẫn tiếp tục sử dụng nước lấy từ giọt nước do thói quen và niềm tin được tích lũy qua nhiều thế hệ. Người dân cho biết: “Nhà có nước giếng, nước máy nhưng tôi vẫn ra giọt nước lấy về uống, vì quen rồi, nước ở đó mát và ngon hơn” (PVS, nữ, 1968, dân tộc Ba-na, tháng 8/2025). Chính sự đan xen giữa chức năng sinh hoạt và ý nghĩa thiêng đã khiến giọt nước trở thành một không gian quen thuộc nhưng vượt ra ngoài chức năng sinh hoạt thông thường, nơi ký ức, niềm tin và các chuẩn mực ứng xử cộng đồng được duy trì thông qua những thực hành lặp lại trong đời sống hằng ngày.

Rừng ma - nghĩa địa: từ không gian nghi lễ vòng đời dần trở thành không gian lưu giữ ký ức và kiêng kỵ: quá trình định cư cùng với sự hiện diện của Công giáo đã làm thay đổi cách người Ba-na tổ chức không gian chôn cất. Rừng ma trước đây gắn với các nghi lễ truyền thống kéo dài và mang tính chu kỳ, hiện nay các khu nghĩa địa tập trung dần hình thành, gắn với các nghi thức Công giáo và sự quản lý của giáo xứ cũng như chính quyền địa phương. Sự chuyển dịch này không chỉ thể hiện ở vị trí và hình thức chôn cất, mà còn kéo theo những điều chỉnh trong nghi lễ cũng như trong các thực hành cộng đồng gắn với việc tưởng nhớ và chăm sóc phần mộ của người đã khuất. Trong bối cảnh đó, tang ma hiện nay chủ yếu được tổ chức theo nghi thức Công giáo, với sự tham gia của linh mục và các chức việc tôn giáo; nhiều thực hành truyền thống, đặc biệt, các nghi thức “kết thúc” quan hệ giữa người sống và người chết, không còn được duy trì. Qua phỏng vấn cho thấy, người Ba-na vẫn nhìn nhận nghĩa địa như nơi tổ tiên hiện diện, cần được tôn trọng và tránh xâm phạm. Điều này thể hiện rõ qua cách cộng đồng giữ khoảng cách với khu nghĩa địa trong đời sống thường nhật. Người dân hiếm khi lui tới ngoài những dịp cần thiết và luôn duy trì thái độ dè dặt trong lời nói, hành vi khi đi qua khu vực này. Tính thiêng của nghĩa địa vì thế không nằm ở tần suất sử dụng, mà ở chức năng lưu giữ ký ức tập thể, chuẩn mực ứng xử với người đã khuất và ranh giới biểu tượng giữa người sống và thế giới linh hồn. Như vậy, dù hình thức không gian và nghi lễ đã thay đổi, nghĩa địa vẫn tiếp tục đảm nhiệm vai trò điều chỉnh cảm thức thiêng của cộng đồng. Sự chuyển dịch từ rừng ma sang nghĩa địa không đơn thuần là sự thay thế, mà là một quá trình điều chỉnh trong cách người Ba-na duy trì mối quan hệ với tổ tiên trong bối cảnh tôn giáo - xã hội mới.

2.3. Điều chỉnh các thực hành nghi lễ và nhịp thời gian sinh hoạt cộng đồng

Với tác động của Công giáo, những biến đổi trong không gian thiêng không chỉ thể hiện ở sự xuất hiện của nhà thờ trong không gian làng, mà còn bộc lộ rõ trong cách cộng đồng Ba-na điều chỉnh các thực hành nghi lễ và nhịp thời gian sinh hoạt. Sự điều chỉnh này diễn ra đồng thời ở cấp độ cộng đồng và hộ gia đình, thông qua sắp xếp lại thời gian, lựa chọn không gian tham gia nghi lễ và xác lập mức độ ưu tiên giữa các hình thức sinh hoạt tôn giáo mới với các thực hành truyền thống.

Kết quả xử lý 120 phiếu điều tra người Ba-na theo Công giáo tại ba thôn của nhiệm vụ cho thấy, 87,5% số người được hỏi cho biết họ tham gia sinh hoạt tại nhà thờ ít nhất một lần mỗi tuần, chủ yếu vào ngày Chủ nhật. Điều này phản ánh sự hình thành nhịp thời gian sinh hoạt tôn giáo ổn định, trong đó sinh hoạt Công giáo trở thành trục chính trong đời sống tinh thần của cộng đồng. Trong khi đó, 32,5% số người được hỏi cho biết thường xuyên tham gia các sinh hoạt tại nhà rông, song các hoạt động này chủ yếu mang tính hành chính - xã hội như họp thôn, phổ biến chủ trương chính sách hoặc sinh hoạt đoàn thể. Tuy vậy, khi được hỏi về mức độ thiêng trong nhận thức, 68,3% người được hỏi vẫn đánh giá nhà rông là không gian “thiêng” hoặc “rất thiêng”, cho thấy sự suy giảm về tần suất sử dụng không đồng nghĩa với sự mất đi hoàn toàn ý nghĩa biểu tượng của không gian này.

Đối với giọt nước, kết quả điều tra của nhiệm vụ cho thấy 74,2% số người được hỏi vẫn xem đây là không gian thiêng gắn với sự che chở và ban ân huệ của Chúa đối với đời sống cộng đồng. Song việc thực hành sử dụng giọt nước có sự phân hóa rõ rệt giữa các thôn. Ở thôn Kon Trang Long Loi, nơi giọt nước còn tồn tại, người dân vẫn duy trì việc lấy nước về sử dụng hằng ngày và coi đây là nguồn nước “được Chúa gìn giữ”. Trong khi đó, tại thôn 8 và thôn 9, do quá trình quy hoạch và sắp xếp lại khu dân cư, giọt nước ở xa hoặc không còn, buộc người dân phải chuyển sang sử dụng nước giếng khoan hoặc nước máy. Sự suy giảm thực hành vì thế không bắt nguồn từ thay đổi trong niềm tin tôn giáo, mà chủ yếu do những điều kiện không gian và hạ tầng sinh hoạt mới. Điều này cho thấy, trong bối cảnh hiện diện Công giáo, tính thiêng của giọt nước được bảo lưu chủ yếu ở cấp độ nhận thức và ký ức cộng đồng, hơn là thông qua thực hành thường nhật như trước đây.

Quá trình chuyển từ rừng ma truyền thống sang các khu nghĩa địa tập trung đã làm thay đổi đáng kể quan hệ không gian và cách tổ chức đời sống cộng đồng. Tại thôn 8 và thôn 9, nghĩa địa hiện nay được sử dụng chung và nằm ngay trong khu dân cư, ở vị trí cao hơn khu vực nhà ở và giáp khuôn viên giáo xứ. Cách bố trí này làm nảy sinh những vấn đề xã hội - môi trường cụ thể. Phần lớn các hộ gia đình hiện sử dụng nước giếng khoan, trong khi nghĩa địa nằm ở vị trí cao khiến nguy cơ ô nhiễm nguồn nước trở nên hiện hữu, đặc biệt vào mùa mưa khi nước chảy qua khu mộ có thể thấm thấu xuống các giếng sinh hoạt. Kết quả điều tra của nhiệm vụ cho thấy, 82,6% số người được hỏi tại thôn 8 cho rằng vị trí nghĩa địa hiện nay là không hợp lý và bày tỏ mong muốn chính quyền địa phương có phương án di dời ra khỏi khu dân cư.

Trường hợp này cho thấy sự khác biệt trong hệ tri thức và cách hình dung không gian giữa các sắp xếp quy hoạch - quản lý hiện nay và quan niệm không gian truyền thống của cộng đồng địa phương. Trong quan điểm của người Ba-na, không gian chôn cất cần được bố trí tách biệt khỏi khu cư trú nhằm bảo đảm trật tự thiêng và sự an toàn cho đời sống sinh hoạt hằng ngày. Tuy nhiên, cùng với quá trình mở rộng khu dân cư và sắp xếp lại không gian trong những giai đoạn khác nhau, cách bố trí khu chôn cất và khu cư trú có những điều chỉnh đáng kể. Việc nghĩa địa được sử dụng chung cho hai thôn nhưng đặt trong địa phận hành chính của thôn 8 cũng đặt ra những vấn đề nhất định trong công tác quản lý và phân định trách nhiệm. Những ý kiến này đã được phản ánh trong các buổi làm việc với chính quyền xã; các hướng xử lý cụ thể hiện vẫn đang được cân nhắc trong bối cảnh xã mới sáp nhập.

3. Vai trò của cộng đồng Ba-na trong việc duy trì và điều chỉnh các không gian thiêng

Kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy, sự tương tác giữa các không gian thiêng truyền thống và không gian Công giáo không phải là kết quả của quá trình áp đặt một chiều từ bên ngoài, mà được hình thành thông qua những lựa chọn có chọn lọc và quá trình điều chỉnh diễn ra ngay trong nội bộ cộng đồng. Trong đó, các tác nhân tham gia bao gồm cộng đồng địa phương, đồng thời cũng là các chủ thể tôn giáo (Công giáo) với những vai trò khác nhau. Trong bối cảnh truyền giáo tại vùng DTTS ở Kon Tum, Giáo hội Công giáo cũng có những định hướng thích ứng với điều kiện văn hóa - xã hội của cộng đồng sở tại. Đặc biệt, theo tinh thần của Công đồng Vatican II (1962 - 1965), việc hội nhập văn hóa trong hoạt động truyền giáo được nhấn mạnh, theo đó các cộng đồng Công giáo được khuyến khích gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa địa phương, miễn là không mâu thuẫn với các nguyên tắc đức tin. Định hướng này tạo điều kiện để Công giáo được tiếp nhận trong khuôn khổ cấu trúc xã hội của làng, qua đó thúc đẩy sự tương tác và điều chỉnh giữa các thực hành tôn giáo mới với các thiết chế và không gian văn hóa sẵn có của cộng đồng Ba-na.

Trước hết, vai trò của già làng tiếp tục được khẳng định trong việc bảo lưu trật tự xã hội và luật tục của làng, dù quyền năng nghi lễ gắn với tín ngưỡng truyền thống có suy giảm. Trong bối cảnh Công giáo ngày càng chiếm ưu thế trong cộng đồng, già làng không còn đảm nhiệm vai trò trung gian với các lực lượng siêu nhiên như trước, nhưng vẫn là người đại diện cho cộng đồng trong các vấn đề liên quan đến hòa giải, xử lý mâu thuẫn và duy trì các chuẩn mực ứng xử của làng. Điều đáng chú ý là không gian thực hành luật tục không còn tập trung duy nhất tại nhà rông, mà được linh hoạt chuyển dịch sang không gian hộ gia đình, nơi già làng và hội đồng những người có uy tín trực tiếp can thiệp và giải quyết các sự vụ của cộng đồng.

Song song với đó, giáo phụ và hệ thống chức sắc Công giáo giữ vai trò điều phối đời sống đức tin và các nghi lễ liên quan đến chu kỳ vòng đời người, quyền lực tôn giáo này không vận hành tách biệt khỏi cấu trúc làng, mà gắn chặt với sự đồng thuận và phối hợp của các chủ thể truyền thống. Trong nhiều trường hợp, các nghi lễ Công giáo chỉ được thực hiện sau khi những vấn đề liên quan đến luật tục của làng đã được giải quyết, phản ánh cơ chế điều

chính hai chiều giữa trật tự tôn giáo và trật tự cộng đồng. Ở cấp độ hộ gia đình và cá nhân, có thể quan sát thấy sự linh hoạt trong thực hành không gian thiêng. Một cá nhân vừa là giáo dân tích cực tham gia các sinh hoạt tôn giáo tại nhà thờ, vừa là thành viên của làng, tiếp tục tuân thủ luật tục, tham gia các cuộc họp làng và duy trì những thực hành gắn với giọt nước hay nghĩa địa của cộng đồng. Sự đồng thời này cho thấy người Ba-na không tiếp nhận Công giáo theo cách loại trừ các thực hành văn hóa sẵn có, mà có xu hướng tích hợp đức tin mới vào đời sống xã hội hiện hữu, thông qua việc phân biệt và gán cho mỗi không gian một chức năng và ý nghĩa riêng trong đời sống cộng đồng.

Đặc biệt, cộng đồng Ba-na thể hiện vai trò chủ thể rõ nét trong việc xác lập các ranh giới biểu tượng giữa các không gian thiêng khác nhau. Trong thực hành hiện nay, nhà thờ và các nhà nguyện là nơi tổ chức đời sống đức tin và các nghi lễ Công giáo; nhà rông tiếp tục được xem là không gian của làng, gắn với ký ức cộng đồng và tính chính danh của các quyết định tập thể; giọt nước gắn với sinh hoạt thường nhật và những lời cầu nguyện xin sự che chở của Thiên Chúa; còn nghĩa địa là nơi lưu giữ ký ức về tổ tiên và các chuẩn mực đạo lý của cộng đồng. Việc phân định này không mang tính đối kháng giữa các hệ thống niềm tin, mà được duy trì thông qua những thực hành xã hội lặp lại và sự đồng thuận ngầm trong cộng đồng.

Sự hình thành cấu trúc không gian thiêng đa tầng này không chỉ là kết quả của lựa chọn từ phía cộng đồng địa phương, mà còn gắn với sự tương tác của nhiều chủ thể xã hội khác nhau. Về phía Giáo hội Công giáo, theo tinh thần của Công đồng Vatican II, việc tôn trọng và thích ứng với các truyền thống văn hóa địa phương được xem là một nguyên tắc quan trọng trong hoạt động truyền giáo. Thực tế tại các làng Ba-na theo Công giáo ở Kon Tum, nhiều giáo sĩ và chức việc địa phương đã vận dụng định hướng này bằng cách khuyến khích giáo dân duy trì những yếu tố văn hóa của làng, miễn là không mâu thuẫn với giáo lý cơ bản của Công giáo. Bên cạnh đó, các chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các DTTS cũng góp phần tạo điều kiện cho việc duy trì các thiết chế văn hóa truyền thống như nhà rông, giọt nước hay các sinh hoạt cộng đồng của làng. Trong bối cảnh đó, cộng đồng Ba-na không chỉ là đối tượng tiếp nhận các định hướng từ bên ngoài, mà còn đóng vai trò chủ thể trong lựa chọn, điều chỉnh và diễn giải ý nghĩa của các không gian thiêng trong đời sống thường nhật. Chính sự tương tác này góp phần hình thành cấu trúc không gian thiêng đa tầng trong đời sống của người Ba-na theo Công giáo hiện nay.

Từ những phân tích trên, có thể thấy sự biến đổi của các không gian thiêng trong cộng đồng Ba-na theo Công giáo không chỉ được lý giải đơn thuần như một quá trình tiếp biến văn hóa Công giáo theo nghĩa thay thế hoàn toàn các cấu trúc văn hóa - tôn giáo truyền thống. Thay vào đó, các dữ liệu thực địa cho thấy sự hình thành của cấu trúc không gian thiêng mới thông qua quá trình tương tác giữa định hướng hội nhập văn hóa của Giáo hội Công giáo, các chính sách bảo tồn văn hóa của Nhà nước và cơ chế điều chỉnh nội tại của cộng đồng địa phương. Trong bối cảnh đó, nhiều yếu tố của đời sống làng Ba-na tiếp tục được duy trì nhưng đồng thời diễn giải lại trong khuôn khổ hệ giá trị của đức tin Công giáo. Vì vậy, cách tiếp cận

theo hướng hội nhập văn hóa cho phép nhận diện rõ tính năng động của chủ thể địa phương cũng như quá trình tái cấu trúc không gian thiêng trong đời sống cộng đồng Ba-na hiện nay.

4. Biến đổi không gian thiêng nhìn từ thực hành cộng đồng

Trường hợp người Ba-na cho thấy sự biến đổi của không gian thiêng dưới tác động của Công giáo không diễn ra theo hướng thay thế hay đứt gãy, mà chủ yếu thông qua các điều chỉnh từng phần gắn với thực hành cộng đồng và lựa chọn của chủ thể địa phương. Theo đó, biến đổi không gian thiêng không chỉ là hệ quả của chuyển đổi niềm tin, mà còn là quá trình tái tổ chức đời sống xã hội - tôn giáo trong những bối cảnh cụ thể. Cách tiếp cận này cho phép nhìn nhận biến đổi tôn giáo như sự tái cấu trúc các không gian xã hội - biểu tượng, qua đó cho thấy vai trò chủ động của cộng đồng trong việc duy trì và điều chỉnh trật tự thiêng trong bối cảnh đương đại.

Một là, không gian thiêng không bị thay thế, mà được tái sắp xếp trong một trật tự mới. Sự hiện diện và gia tăng vai trò của các cơ sở thờ tự Công giáo không đồng nghĩa với việc các không gian thiêng truyền thống của người Ba-na bị loại bỏ khỏi đời sống cộng đồng. Trái lại, các không gian này vẫn tiếp tục tồn tại, song được tái sắp xếp về chức năng, mức độ sử dụng và ý nghĩa biểu tượng. Do đó, biến đổi không diễn ra theo trục “mất - còn”, mà theo hướng phân bổ lại vai trò trong một cấu trúc thiêng mang tính đa tầng. Trong cấu trúc này, các cơ sở thờ tự Công giáo dần giữ vai trò trung tâm của đời sống đức tin và nhịp thời gian sinh hoạt tôn giáo. Trong khi đó, những không gian truyền thống như nhà rông, giọt nước và không gian chôn cất của cộng đồng tiếp tục gắn với các chiều kích khác của đời sống làng, như việc bàn bạc các công việc chung, duy trì kỷ ức tập thể hoặc thực hành các chuẩn mực đạo lý. Từ góc nhìn này, biến đổi không gian thiêng có thể được hiểu như một quá trình tái sắp xếp nội tại của hệ thống không gian văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng, trong đó các yếu tố mới được tích hợp vào trật tự sẵn có, thay vì áp đặt một cấu trúc hoàn toàn khác.

Hai là, biến đổi như một quá trình thương thảo xã hội - biểu tượng. Sự biến đổi của không gian thiêng trong cộng đồng Ba-na theo Công giáo hình thành dần thông qua quá trình thương thảo xã hội - biểu tượng kéo dài, gắn với từng giai đoạn mở rộng của Công giáo trong đời sống làng. Quá trình này thể hiện rõ trong những quyết định liên quan đến vị trí, chức năng và cách sử dụng của các không gian thiêng khi các cơ sở thờ tự Công giáo dần giữ vai trò trung tâm trong sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng. Các giáo phụ của làng cho biết, sau năm 1975, khi định cư tại vị trí làng hiện tại, nhiều vấn đề liên quan đến sinh hoạt tôn giáo và đời sống làng đã được đưa ra trao đổi, chẳng hạn như cách thức tổ chức các nghi lễ vòng đời, việc sử dụng nhà rông trong các hoạt động chung, hay vị trí đặt các biểu tượng tôn giáo trong không gian cộng đồng. Những vấn đề này thường được thảo luận trong các cuộc họp có sự tham gia của già làng, giáo phụ và đại diện các hộ gia đình. Thông qua các cuộc trao đổi như vậy, cộng đồng dần xác lập ranh giới tương đối rõ ràng giữa những không gian: các cơ sở thờ tự Công giáo được dành cho các nghi lễ và sinh hoạt đức tin; nhà rông tiếp tục là nơi bàn bạc

và quyết định các công việc chung của làng; trong khi giọt nước và nghĩa địa vẫn gắn với đời sống thường nhật và ký ức cộng đồng.

Qua khảo sát thực địa cho thấy rõ tính chất thương thảo trong quá trình hình thành và điều chỉnh các không gian thiêng, đặc biệt trong những trường hợp cộng đồng tìm cách hài hòa giữa các yếu tố của đức tin Công giáo và các biểu tượng văn hóa truyền thống. Chẳng hạn, năm 2004 khi xây dựng nhà thờ và nhà rông trong khuôn viên giáo xứ Kon Trang Mơ Nây, linh mục giáo xứ đã tổ chức cuộc họp với các giáo phụ, già làng và trưởng thôn để thảo luận về kiểu dáng kiến trúc cũng như khả năng đưa những yếu tố văn hóa đặc trưng của người Ba-na vào các công trình này. Sau quá trình trao đổi, cộng đồng thống nhất đặt tượng Chúa Giê-su tại khu vực phía cửa trước của nhà rông; treo bộ cồng chiêng lớn - biểu tượng văn hóa của người Ba-na ở phía dưới sàn nhà rông; đồng thời, dựng các cây nêu truyền thống trong khuôn viên sân nhà thờ. Những sắp xếp này phản ánh nỗ lực của cộng đồng trong việc kết hợp các biểu tượng của Công giáo với những yếu tố quen thuộc của văn hóa Ba-na, qua đó tạo ra một không gian sinh hoạt tôn giáo vừa phù hợp với đức tin mới vừa gắn bó với truyền thống của làng. Một trường hợp khác diễn ra tại thôn 9 vào năm 2018, khi cộng đồng xây dựng nhà nguyện Đắc Tiêng Klah. Trong quá trình chuẩn bị xây dựng, già làng, trưởng thôn và giáo phụ đã cùng linh mục giáo xứ trao đổi về kiểu dáng kiến trúc của nhà nguyện. Kết quả của quá trình thảo luận là phương án thiết kế mái nhà nguyện được xây dựng theo dạng mái cao gọi hình dáng mái nhà rông truyền thống; bên ngoài khuôn viên nhà nguyện còn bố trí một số mô hình nhỏ của nhà rông Ba-na.

Những trường hợp trên cho thấy sự biến đổi của không gian thiêng không diễn ra thông qua sự áp đặt của một hệ thống niềm tin lên hệ thống khác, mà hình thành dần thông qua quá trình thương thảo giữa nhiều chủ thể trong cộng đồng. Chính thông qua các cuộc trao đổi, điều chỉnh và thực hành lặp lại trong đời sống thường nhật mà cộng đồng Ba-na từng bước hình thành một trật tự không gian thiêng mới mang tính dung hợp, trong đó các yếu tố của đức tin Công giáo và các thiết chế văn hóa của làng cùng tồn tại trong những ranh giới biểu tượng được cộng đồng xác lập và thừa nhận.

KẾT LUẬN

Từ trường hợp các làng Ba-na theo Công giáo ở xã Đắc Hà, nghiên cứu cho thấy sự biến đổi của không gian thiêng không diễn ra theo logic thay thế hoàn toàn hay đứt gãy giữa truyền thống và tôn giáo mới, mà chủ yếu thông qua quá trình tái sắp xếp chức năng và ý nghĩa của các không gian trong cấu trúc làng. Sự xuất hiện của các cơ sở thờ tự Công giáo đã tạo ra một điểm quy chiếu mới cho đời sống tôn giáo, song các không gian thiêng truyền thống như nhà rông, giọt nước và không gian chôn cất của cộng đồng vẫn tiếp tục tồn tại với những vai trò được điều chỉnh. Trong bối cảnh đó, các không gian thiêng của làng không bị loại bỏ mà được phân bổ lại trong một cấu trúc đa tầng, nơi các chiều kích tôn giáo, xã hội và ký ức cộng đồng cùng tồn tại.

Quá trình này được hình thành thông qua sự tương tác giữa nhiều chủ thể, bao gồm định hướng hội nhập văn hóa của Giáo hội Công giáo, các chính sách bảo tồn văn hóa của Nhà nước và đặc biệt là cơ chế điều chỉnh nội tại của cộng đồng Ba-na. Thông qua các thực hành xã hội và những thương thảo biểu tượng trong đời sống hằng ngày, cộng đồng địa phương đã tích hợp các yếu tố Công giáo vào cấu trúc không gian làng sẵn có, đồng thời, duy trì những điểm tựa văn hóa truyền thống. Từ góc nhìn đó, sự biến đổi không gian thiêng ở đây có thể được hiểu như một quá trình hội nhập, địa phương hóa tôn giáo, qua đó cho thấy năng lực thích ứng văn hóa của cộng đồng Ba-na trong bối cảnh tôn giáo - xã hội đương đại./.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Luận. (2004). Vài nét về quá trình truyền giáo, phát triển đạo Công giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Kon Tum. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 5, tr. 30-36.
2. Đặng Luận. (2014). Cộng đồng tôn giáo - dân tộc tại Kon Tum (Nghiên cứu trường hợp Công giáo). *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 4 (130), tr. 55-65.
3. Henri Lefebvre. (1991). *The Production of Space (Translated by Donald Nicholson-Smith)*. Blackwell Publishing, Maiden, MA, USA.
4. Lê Đức Hạnh (2014). Hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa bản địa trong vùng các tộc người thiểu số ở Kon Tum. *Tạp chí Di sản văn hóa*, Số 4 (49), tr. 65-72.
5. Minh Sơn. (5/10/2021). *Lược sử trung tâm truyền giáo Kon Trang và Giáo xứ Kon Trang Monei*. <https://giaophankontum.com/giao-phan/giao-xu/mien-kontum/giao-hat-dak-ha/giao-xu-kon-trang>.
6. Mircea Eliade (translated by Willard R. Trask, 1959). *The Sacred and the Profane: The Nature of Religion - The Significance of Religious myth, symbolism, and ritual within life and culture*. A Harvest Book, New York.
7. Nguyễn Hồng Dương. (2004). Tổ chức xứ đạo, họ đạo Công giáo trong vùng dân tộc thiểu số giáo phận Kon Tum. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 2, tr. 46-54.
8. Nguyễn Hồng Dương. (2006). Hoạt động truyền đạo Công giáo trong vùng tộc người thiểu số ở Giáo phận Kon Tum: Một số biểu hiện đặc thù. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 5 (41), tr. 43-53.
9. Ủy ban nhân dân xã Đắk Hà. (2025). *Báo cáo một số nội dung làm việc với Viện Dân tộc học và Tôn giáo học*, số 74/BC-UBND.